TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 528/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1215/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST–HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh Đ; địa chỉ: Đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đào Thị H; địa chỉ: Đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09/12/2019, nguyên đơn ông Trần Minh Đ trình bày:

Tôi và bà Đào Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/01/1989, giấy Chứng nhận kết hôn số 06/1989 (Bản chính giấy kết hôn đã bị thất lạc năm 2010).

Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H không lo làm ăn, thường hay cờ bạc, tôi và gia đình đã khuyên ngăn nhưng bà H vẫn không đổi; từ đó vợ chồng thường hay gây gỗ, bất hòa. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, yêu cầu được ly hôn bà H.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên Trần Minh Q1, sinh năm 1989; Trần Minh Q2, sinh năm 1991 và Trần Minh S, sinh năm 1993; tất cả đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông Trần Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp tại Tòa.

Bị đơn bà Đào Thị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Sổ hộ khẩu số 31100022805 do Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/6/2012, bà Đào Thị H đã đăng ký nhân khẩu thường trú tại Đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Minh Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Đào Thị H có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ bản sao Trích lục kết hôn số 557/TLKH-BS ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, thì bà Đào Thị H và ông Trần Minh Đ đã đăng ký kết hôn ngày 10/01/1989, số 06/1989; quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa ông Đ và bà H phát sinh mâu thuẫn mà theo ông Đ trình bày là do bà H thường hay cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh

phúc. Ông Đ xác định không còn tình cảm với bà H, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, cả ông Đ và bà H đều không có mặt để tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến cũng như quan điểm về tình trạng hôn nhân. Qua đó cũng đã chứng minh rằng cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Minh Q1, sinh năm 1989; Trần Minh Q2, sinh năm 1991 và Trần Minh S, sinh năm 1993; tất cả đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ về việc "Ly hôn"

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh Đ được ly hôn với bà Đào Thị H.

1.2/. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Minh Q1, sinh năm 1989; Trần Minh Q2, sinh năm 1991 và Trần Minh S, sinh năm 1993; cả ba đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3/. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Không có.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0039623 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.